TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **84**/2022/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 17 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh **Phạm Trung T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh **Phạm Trung T** và chị **Nguyễn Thị N.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về con chung***: Anh Phạm Trung T và chị Nguyễn Thị N có 03 người con chung là Phạm Thuý H, sinh ngày 20/01/2003, Phạm Hải Y, sinh ngày 14/3/2009 và Phạm Trường G, sinh ngày 01/11/2012. Phạm Thuý H hiện nay trên 18 tuổi và đã trưởng thành nên anh Phạm Trung T và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao hai con chung là Phạm Hải Y và Phạm Trường G cho anh Phạm Trung T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn.

Chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Phạm Trung T với số tiền 2.000.000 (*hai triệu đồng*)/tháng; Trong đó cấp dưỡng nuôi Phạm Hải Y là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/tháng, cấp dưỡng nuôi Phạm Trường G là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05 năm 2022 cho đến khi Phạm Hải Y và Phạm Trường G đủ 18 tuổi; Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Chị Nguyễn Thị N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

***- Về tài sản chung*:** Anh Phạm Trung T và chị Nguyễn Thị N đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***- Về vay nợ chung*:** Anh Phạm Trung T và chị Nguyễn Thị N đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Trung T tự nguyện nộp 150.000 đồng (*một trăm năm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Toà án số: AA/2021/0000301 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh Phạm Trung T được trả lại số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự'.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ (để thi hành);
- UBND phường M (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Kế toán;
- Lưu TAND tp Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan